



Biểu số 103/CKTC-NSNN

BIỂU CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	316.360.000	TỔNG SỐ CHI	316.360.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	820.000	I. Chi đầu tư phát triển	12.750.000
Phí và lệ phí	210.000	Chi đầu tư từ tiền đất	12.750.000
Thu từ quỹ đất công ích và đất công	330.000	II. Chi thường xuyên	292.589.000
Thu khác	280.000	1, Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	65.045.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	18.565.000	2, Chi các hoạt động kinh tế	17.350.000
Thuế thu nhập cá nhân	1.259.000	3, Sự nghiệp môi trường	7.197.000
Thuế nhà đất	1.007.000	4, Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo	135.181.000
Lệ phí trước bạ nhà đất	1.480.000	5, Sự nghiệp y tế, dân số, gia đình	270.000
Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	2.069.000	6, Sự nghiệp VH TT	1.047.000
Thu tiền sử dụng đất theo chỉ tiêu pháp lệnh	12.750.000	7, Sự nghiệp thể dục thể thao	1.146.000
III. Thu bổ sung	296.975.000	8, Sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	1.243.000
1- Bổ sung cân đối	296.975.000	9, Chi đảm bảo xã hội	58.698.000
2- Bổ sung có mục tiêu		10, Chi sự nghiệp quốc phòng	2.412.000
IV. Thu chuyển nguồn		11, Chi sự nghiệp an ninh	2.677.000
		12, Chi khác	323.000
		III. Dự phòng	11.021.000



DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2024		DỰ TOÁN NĂM 2025		SO SÁNH (%)	
		Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
I	TỔNG THU						
	1. Các khoản thu 100%		76.192.770	389.443.000	316.360.000		415
	Phí, lệ phí		2.676.614	820.000	820.000		31
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		101.758	210.000	210.000		206
	Thu bồi thường đất công điền khi nhà nước thu hồi theo quyết định		456.208	330.000	330.000		72
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		1.808.814				
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		110.548				
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
	Thu khác		199.287	280.000	280.000		141
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)		23.973.863	91.648.000	18.565.000		77
1	Các khoản thu phân chia		2.638.094	2.487.000	2.487.000		94
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		1.083.592	1.007.000	1.007.000		93
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	- Thuế môn bài thu từ cá nhân hộ kinh doanh		129.300				
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất		1.425.202	1.480.000	1.480.000		104
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định		21.335.769	89.161.000	16.078.000		75
	- Thu tiền sử dụng đất		18.496.125	85.000.000	12.750.000		
	- Thuế thu nhập cá nhân		1.107.174	1.574.000	1.259.000		114
	- Thuế GTGT		1.732.470	2.587.000	2.069.000		119
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (Nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn		6.904.137				
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		30.187				
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		42.607.970	296.975.000	296.975.000		697
	- Bổ sung cân đối		25.865.275	296.975.000	296.975.000		1.148
	- Bổ sung có mục tiêu		16.742.695				



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 1000đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2024			DỰ TOÁN NĂM 2025			So sánh (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
A	B	1		3	4		6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	36.020.479	4.950.000	31.070.479	316.360.000	12.750.000	303.610.000	878	258	977
	Trong đó	0								
1	Chi giáo dục	2.562.643	2.510.000	52.643	135.932.000	751.000	135.181.000	5.304	30	256.788
2	Chi từng dùng chuyển giao công nghệ	0								
3	Chi y tế	52.643		52.643			270.000			
4	Chi văn hóa, thông tin	269.202	100.000	169.202	1.047.000		1.047.000	389		619
5	Chi thể dục thể thao	101.886		101.886			1.146.000			
6	Chi phát thanh, truyền thanh	255.205		255.205	1.243.000		1.243.000	487		487
7	Chi bảo vệ môi trường	77.134		77.134	7.197.000		7.197.000	9.331		
8	Chi các hoạt động kinh tế	1.206.832	1.000.000	206.832	23.072.000	5.722.000	17.350.000	1.912	572	8.388
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	25.603.587	1.340.000	24.263.587	71.322.000	6.277.000	65.045.000	279	468	268
10	Chi cho công tác xã hội	2.204.786		2.204.786	58.698.000		58.698.000	2.662		2.662
11	Chi Quốc phòng	2.191.429		2.191.429	2.412.000		2.412.000	110		110
12	Chi An ninh và trật tự ATXH	1.122.876		1.122.876	2.677.000		2.677.000	238		238
13	Chi khác	372.256		372.256	323.000		323.000	87		87
14	Dự phòng ngân sách				11.021.000		11.021.000			



DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG PHÁT TRIỂN NĂM 2025
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: triệu đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyet		Giá trị thực hiện đến 31/12/2024	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2024	Tổng số	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân				Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	Nguồn Đóng góp
								Nguyên Cân đối ngân sách	Nguyên Đóng góp
TỔNG SỐ									
1/Công Trình chuyển tiếp		67.966	0	0	8.232	12.750	1.161	12.750	
Cải tạo, nâng cấp đường Giao thông thôn Tân Thành, xã Kim Anh (Đoạn từ ngã ba nhà bà Cái đến ngã ba nhà ông Chiến)		25.767	0	0	6.845	4.532	0	4.532	
Cải tạo, nâng cấp đường Giao thông thôn Quyết Thắng, xã Kim Anh (Đoạn từ ngã ba nhà ông Hằng đến nút giao đường ven sông An Thành)	2024-2025	648			617	31		31	
Cải tạo, nâng cấp đường Giao thông thôn Quyết Thắng, xã Kim Anh (Đoạn từ ngã ba nhà ông Hoàng đến nút giao thông tỉnh 388)	2024-2025	2.346			1.946	399		399	
Cải tạo, nâng cấp đường Giao thông thôn Quang Khải, xã Kim Anh (Đoạn từ ngã ba nhà ông Nhuận đến ngã ba nhà ông Trường)	2024-2025	1.005			921	84		84	
Cải tạo, nâng cấp đường Giao thông thôn xã Kim Anh (Đoạn từ nhà ông Thê đến ngã ba nhà ông Khâm thôn Văn Minh), (Đoạn từ ngã ba nhà ông Soát đến ngã tư nhà ông Trạch thôn Phan Chi)	2024-2025	1.161			1.069	92		92	
Cải tạo, nâng cấp đường Giao thông thôn Quyết Thắng, xã Kim Anh (Đoạn từ nhà bà Thường đến nút giao đường tỉnh 388)	2024-2025	1.213			1.155	58		58	
Nhà hiệu bộ kết hợp nhà lớp học 3 tầng trường THCS Phú Thái	2024-2025	1.195			1.137	58		58	
Nhà Đa năng trường THCS Phú Thái	2024-2025	14.265				1.810		1.810	
	2024-2025	3.934				2.000		2.000	
		7.776	0	0	0	7.057	0	7.057	
2/Công Trình khởi công mới									
Sửa chữa, xây lại tường rào trường Tiểu học Kim Anh, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương	2025	355				321		321	
Cải tạo Nghĩa trang Liệt sĩ xã Kim Anh, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương	2025	1.181				1.139		1.139	

Nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Kim Anh. Đoạn từ nhà Ông An đến nhà ông Dương thôn Tân Thành	2025	132					115	115
Nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Kim Anh. Đoạn từ nhà bà Liên đến nhà ông Ràng thôn Quyết Thắng	2025	243					217	217
Nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Kim Anh. Đoạn từ ông Hoan đến nhà bà Hòa thôn Quyết Thắng	2025	119					106	106
Nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Kim Anh. Đoạn từ nhà văn hóa thôn Văn Minh đến nhà Bà Lâm	2025	479					440	440
Nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Kim Anh. Đoạn từ đường thôn đến nhà bà Bột thôn Phan Chi	2025	175					157	157
Nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Kim Anh. Đoạn từ ông Hiếu đến nhà ông Định thôn Phan Chi	2025	135					120	120
Nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Kim Anh. Đoạn từ chùa Đồng Mỹ đến đường Liên xã	2025	253					239	239
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn Văn Minh, xã Kim Anh, huyện Kim Thành. Đoạn từ cổng chùa đến nhà ông Hà và từ TBA đến đường Liên xã	2025	885					720	720
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn Lễ Độ, xã Kim Anh, huyện Kim Thành. Đoạn từ nhà Bà Dân đến nhà ông Át	2025	1.183					1.077	1.077
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Kim Anh, huyện Kim Thành. Đoạn từ nhà ông Triệu đến nhà bà Phúc)	2025	465					429	429
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Kim Anh, huyện Kim Thành. Đoạn từ nhà ông Phước đến nhà ông Giới và từ đường liên xã đến đầu cầu Đồng Mỹ)	2025	695					635	635
Nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Kim Anh. Đoạn từ nhà văn hóa thôn Quang Khai đến nhà ông Lâm và từ nhà ông Chanh đến đường xóm thôn Quang Khai	2025	267					243	243
Nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Kim Anh. Đoạn từ nhà bà Hòa đến nhà ông Út thôn Quyết Thắng	2025	207					187	187
Nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Kim Anh. Đoạn từ nhà ông Tráng đến nhà ông Du thôn Quyết Thắng	2025	215					195	195
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Kim Anh. Đoạn từ nhà ông Thìn đến nhà ông Kiểm thôn Phan Chi	2025	179					161	161
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Kim Anh. Đoạn từ nhà bà Duyên đến nhà ông Doanh thôn Lễ Độ	2025	126					112	112

Nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Kim Anh. Đoàn từ SVĐ đến nhà ông Trù, ông Nền thôn Tân Thành; Đoàn từ nhà ông Toan đến nhà ông Hoài, Đoàn từ nhà ông Trường đến nhà bà Mai thôn Đồng Mỹ	2025	482							444		444	
3/Trả nợ XDCB		34.423	0	0	1.387	1.161	1.161	0				
Nhà đa năng trường THCS Kim Anh	2024	5.701				288	288				288	
Cải tạo và nâng cấp đường từ cổng Ba đến cổng ông Chấn thôn Quang Khải, xã Kim Anh	2020	618				28	28				28	
Đường giao thông nông thôn đoạn đường từ cổng ông Phước đến ngã tư nhà ông Thi thôn Đồng Mỹ xã Kim Anh	2020	207				54	54				54	
Nâng cấp, cải tạo đường giao thông thôn Đồng Mỹ đoạn từ đường nhưa liên xã đến cổng ông Phước, xã Kim Anh	2020	185				47	47				47	
Đường giao thông nông thôn xã Kim Anh đoạn nội đồng từ nhà ông Đường đến nương cấp 2 thôn Đồng Mỹ	2020	580				54	54				54	
Đường giao thông nông thôn đoạn từ đường TL388 đến chùa thôn Quyết Thắng, xã Kim Anh, huyện Kim Thành	2020	537				44	44				44	
Đường giao thông nông thôn Thôn Tân Thành kếp giữa 2 đường nhưa	2020	129				6	6				6	
Đường giao thông nông thôn từ cây đa đôi đến ngã tư ông Nhuận thôn Quang Khải, xã Kim Anh	2020	720				53	53				53	
Đường giao thông nông thôn. Đoạn từ đường huyện đến nhà ông Thìn thôn Phan Chi, xã Kim Anh	2020	453				42	42				42	
Đường giao thông nông thôn xã Kim Anh. Đoạn từ TL388 vào thôn Lễ Độ	2020	1.212				167	167				167	
Các hạng mục phụ trợ-Trường Mầm non Kim Anh, điểm trường thôn Lễ Độ, xã Kim Anh, huyện Kim Thành; Hạng mục: Cổng tường rào, sân vườn, rãnh thoát nước	2021	996				95	95				95	
Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng trường Tiểu học Kim Anh, xã Kim Anh	2020	7.554				118	118				118	
CT: Trường Tiểu học Kim Anh, huyện Kim Thành. Hạng mục: Bể bơi và nhà thay đồ	2020	2.095				18	18				18	
Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng trường Mầm non thôn Lễ Độ, xã Kim Anh, huyện Kim Thành	2020	6.098				15	15				15	
Bãi tập kết rác sinh hoạt thôn Tân Thành, xã Kim Anh, huyện Kim Thành	2021	237				36	36				36	
Trụ sở Công an	2023	5.472				21	21				21	

Cải tạo trạm y tế xã Phúc Thành, huyện Kim Thành	2023	893				750	65	65	65
Đường giao thông nông thôn xã Phúc Thành, huyện Kim Thành. Đoạn nối từ khu dân cư mới ra cổng nhà văn hóa thôn Dướng Thái Trung	2023	736				637	11	11	11



CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	316.360.000	TỔNG SỐ CHI	316.360.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	820.000	I. Chi đầu tư phát triển	12.750.000
Phí và lệ phí	210.000	Chi đầu tư từ tiền đất	12.750.000
Thu từ quỹ đất công ích và đất công	330.000	II. Chi thường xuyên	292.589.000
Thu khác	280.000	1, Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	65.045.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	18.565.000	2, Chi các hoạt động kinh tế	17.350.000
Thuế thu nhập cá nhân	1.259.000	3, Sự nghiệp môi trường	7.197.000
Thuế nhà đất	1.007.000	4, Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo	135.181.000
Lệ phí trước bạ nhà đất	1.480.000	5, Sự nghiệp y tế, dân số, gia đình	270.000
Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	2.069.000	6, Sự nghiệp VH TT	1.047.000
Thu tiền sử dụng đất theo chỉ tiêu pháp lệnh	12.750.000	7, Sự nghiệp thể dục thể thao	1.146.000
III. Thu bổ sung	296.975.000	8, Sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin	1.243.000
1- Bổ sung cân đối	296.975.000	9, Chi đảm bảo xã hội	58.698.000
2- Bổ sung có mục tiêu		10, Chi sự nghiệp quốc phòng	2.412.000
IV. Thu chuyển nguồn		11, Chi sự nghiệp an ninh	2.677.000
		12, Chi khác	323.000
		III. Dự phòng	11.021.000



Biểu số 109/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị :1000 đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	
		Thu NSNN	Thu NSX
A	B	3	4
	<u>TỔNG THU</u>	389.443.000	316.360.000
I	<u>1. Các khoản thu 100%</u>	<u>820.000</u>	<u>820.000</u>
	Phí, lệ phí	210.000	210.000
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	330.000	330.000
	Thu bồi thường đất công điền khi nhà nước thu hồi theo quyết định		
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		
	Đóng góp của nhân dân theo quy định		
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		
	Thu khác	280.000	280.000
II	<u>Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</u>	<u>91.648.000</u>	<u>18.565.000</u>
1	<u>Các khoản thu phân chia</u>	<u>2.487.000</u>	<u>16.078.000</u>
	-Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.007.000	1.007.000
	-Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		
	- Thuế môn bài thu từ cá nhân hộ kinh doanh		
	-Lệ phí trước bạ nhà, đất	1.480.000	1.480.000
2	<u>Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định</u>	<u>89.161.000</u>	<u>16.078.000</u>
	-Thu tiền sử dụng đất	85.000.000	12.750.000
	- Thuế thu nhập cá nhân	1.574.000	1.259.000
	-Thuế GTGT	2.587.000	2.069.000
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (Nếu có)		
IV	Thu chuyển nguồn		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	<u>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</u>	296.975.000	296.975.000
	-Bổ sung cân đối	296.975.000	296.975.000
	-Bổ sung có mục tiêu		



Biểu số 110/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

ĐVT: 1000 đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
A	B	1=2+4	2	4
	<u>TỔNG CHI</u>	<u>316.360.000</u>	<u>12.750.000</u>	<u>303.610.000</u>
	<u>Trong đó</u>			
1	Chi giáo dục	135.932.000	751.000	135.181.000
2	Chi ứng dụng chuyển giao công nghệ	0		
3	Chi y tế	270.000		270.000
4	Chi văn hóa, thông tin	1.047.000		1.047.000
5	Chi phát thanh, truyền hình	1.243.000		1.243.000
6	Chi thể dục thể thao	1.146.000		1.146.000
7	Chi bảo vệ môi trường	7.197.000		7.197.000
8	Chi các hoạt động kinh tế	17.350.000	5.722.000	17.350.000
9	Chi hoạt động của cơ quan Quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể	70.767.000	6.277.000	65.045.000
10	Chi cho công tác xã hội	64.975.000		58.698.000
11	Chi sự nghiệp Quốc phòng	2.412.000		2.412.000
12	Chi An ninh và trật tự ATXH			2.677.000
13	Chi khác	323.000		323.000
14	Dự phòng ngân sách			11021000



DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2025
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Biểu số 111/CK TC-NSNN

Đơn vị: triệu đồng									
Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2024	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2024	Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân					Nguồn Cân đối ngân sách	Nguồn Đóng góp
TỔNG SỐ									
1/ Công Trình chuyển tiếp		67.966	0	0	8.232	12.750	1.161	12.750	
Cải tạo, nâng cấp đường Giao thông thôn Tân Thành, xã Kim Anh (Đoạn từ ngã ba nhà bà Cải đến ngã ba nhà ông Chiến)		25.767	0	0	6.845	4.532	0	4.532	
Cải tạo, nâng cấp đường Giao thông thôn Quyết Thắng, xã Kim Anh (Đoạn từ ngã ba nhà ông Hàng đến nút giao đường ven sông An Thành)	2024-2025	648			617	31			31
Cải tạo, nâng cấp đường Giao thông thôn Quyết Thắng, xã Kim Anh (Đoạn từ nhà ông Hoàng đến nút giao thông tỉnh 388)	2024-2025	2.346			1.946	399			399
Cải tạo, nâng cấp đường Giao thông thôn Quang Khai, xã Kim Anh (Đoạn từ nhà ông Nhuận đến ngã ba nhà ông Trường)	2024-2025	1.005			921	84			84
Cải tạo, nâng cấp đường Giao thông thôn xã Kim Anh (Đoạn từ nhà ông Thẻ đến ngã ba nhà ông Khâm thôn Văn Minh), (Đoạn từ ngã ba nhà ông Soát đến ngã tư nhà ông Trạch thôn Phan Chí)	2024-2025	1.161			1.069	92			92
Cải tạo, nâng cấp đường Giao thông thôn Quyết Thắng, xã Kim Anh (Đoạn từ nhà bà Thường đến nút giao đường tỉnh 388)	2024-2025	1.213			1.155	58			58
Nhà hiệu bộ kết hợp nhà lớp học 3 tầng trường THCS Phú Thái	2024-2025	1.195			1.137	58			58
Nhà Đa năng trường THCS Phú Thái	2024-2025	14.265				1.810			1.810
2/ Công Trình khởi công mới	2024-2025	3.934				2.000			2.000
		7.776	0	0	0	7.057	0		7.057

Sửa chữa, xây lại tường rào trường Tiểu học Kim Anh, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương	2025	355					321	321
Cải tạo Nghĩa trang Liệt sĩ xã Kim Anh, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương	2025	1.181					1.139	1.139
Nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Kim Anh. Đoạn từ nhà Ông An đến nhà ông Dương thôn Tân Thành	2025	132					115	115
Nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Kim Anh. Đoạn từ nhà bà Liên đến nhà ông Rằng thôn Quyết Thắng	2025	243					217	217
Nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Kim Anh. Đoạn từ ông Hoan đến nhà bà Hòa thôn Quyết Thắng	2025	119					106	106
Nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Kim Anh. Đoạn từ nhà văn hóa thôn Văn Minh đến nhà Bà Lâm	2025	479					440	440
Nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Kim Anh. Đoạn từ đường thôn đến nhà bà Bội thôn Phan Chi	2025	175					157	157
Nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Kim Anh. Đoạn từ ông Hiếu đến nhà ông Định thôn Phan Chi	2025	135					120	120
Nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Kim Anh. Đoạn từ chùa Đồng Mỹ đến đường Liên xã	2025	253					239	239
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn Văn Minh, xã Kim Anh, huyện Kim Thành. Đoạn từ công chùa đến nhà ông Hà và từ TBA đến đường Liên xã	2025	885					720	720
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn Lễ Độ, xã Kim Anh, huyện Kim Thành. Đoạn từ nhà Bà Dân đến nhà ông Ất	2025	1.183					1.077	1.077
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Kim Anh, huyện Kim Thành. Đoạn từ nhà ông Triệu đến nhà bà Phúc)	2025	465					429	429

Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Kim Anh, huyện Kim Thành. Đoạn từ nhà ông Phước đến nhà ông Giỏi và từ đường liên xã đến đầu cầu Đồng Mỹ)	2025	695						635		635	
Nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Kim Anh. Đoạn từ nhà văn hóa thôn Quang Khai đến nhà ông Lâm và từ nhà ông Chanh đến đường xóm thôn Quang Khai	2025	267						243		243	
Nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Kim Anh. Đoạn từ nhà bà Hòa đến nhà ông Út thôn Quyết Thắng	2025	207						187		187	
Nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Kim Anh. Đoạn từ nhà ông Trảng đến nhà ông Du thôn Quyết Thắng	2025	215						195		195	
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Kim Anh. Đoạn từ nhà ông Thìn đến nhà ông Kiểm thôn Phan Chi	2025	179						161		161	
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Kim Anh. Đoạn từ nhà bà Duyên đến nhà ông Doanh thôn Lê Độ	2025	126						112		112	
Nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Kim Anh. Đoàn từ SVĐ đến nhà ông Trù, ông Nền thôn Tân Thành; Đoạn từ nhà ông Toan đến nhà ông Hoài, Đoạn từ nhà ông Trường đến nhà bà Mai thôn Đồng Mỹ	2025	482						444		444	
3/Trả nợ XDCB		34.423	0	0	1.387	1.161	1.161	1.161	1.161	0	
Nhà đa năng trường THCS Kim Anh	2024	5.701						288		288	
Cải tạo và nâng cấp đường từ công Ba đến công ông Chấn thôn Quang Khai, xã Kim Anh	2020	618						28		28	
Đường giao thông nông thôn đoạn đường từ công ông Phước đến ngã tư nhà ông Thi thôn Đồng Mỹ xã Kim Anh	2020	207						54		54	
Nâng cấp, cải tạo đường giao thông thôn Đồng Mỹ đoạn từ đường nhựa liên xã đến công ông Phước, xã Kim Anh	2020	185						47		47	

Đường giao thông nông thôn xã Kim Anh đoạn nội đồng từ nhà ông Đường đến đường cấp 2 thôn Đồng Mỹ	2020	580					54	54	54
Đường giao thông nông thôn đoạn từ đường TL388 đến chùa thôn Quyết Thắng, xã Kim Anh, huyện Kim Thành	2020	537					44	44	44
Đường giao thông nông thôn Thôn Tân Thành kẹp giữa 2 đường nhựa	2020	129					6	6	6
Đường giao thông nông thôn từ cây đa đôi đến ngã tư ông Nhuận thôn Quang Khái, xã Kim Anh	2020	720					53	53	53
Đường giao thông nông thôn. Đoạn từ đường huyện đến nhà ông Thìn thôn Phan Chi, xã Kim Anh	2020	453					42	42	42
Đường giao thông nông thôn xã Kim Anh. Đoạn từ TL388 vào thôn Lễ Độ	2020	1.212					167	167	167
Các hạng mục phụ trợ-Trường Mầm non Kim Anh, điểm trường thôn Lễ Độ, xã Kim Anh, huyện Kim Thành; Hạng mục: Cổng trường rào, sân vườn, rãnh thoát nước	2021	996					95	95	95
Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng trường Tiểu học Kim Anh, xã Kim Anh	2020	7.554					118	118	118
CT: Trường Tiểu học Kim Anh, huyện Kim Thành. Hạng mục: Bể bơi và nhà thay đồ	2020	2.095					18	18	18
Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng trường Mầm non thôn Lễ Độ, xã Kim Anh, huyện Kim Thành	2020	6.098					15	15	15
Bãi tập kết rác sinh hoạt thôn Tân Thành, xã Kim Anh, huyện Kim Thành	2021	237					36	36	36
Trụ sở Công an	2023	5.472					21	21	21
Cải tạo trạm y tế xã Phúc Thành, huyện Kim Thành	2023	893				750	65	65	65
Đường giao thông nông thôn xã Phúc Thành, huyện Kim Thành. Đoạn nối từ khu dân cư mới ra công nhà văn hóa thôn Đường Thái Trung	2023	736				637	11	11	11